

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q –THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 51; Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh Tô Văn Th, sinh ngày 09-7-1976.

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đông Th, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24-11-1979.

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đông Th, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tô Văn Th và chị Nguyễn Thị Q tìm hiểu tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 20/10/1998, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ năm 2019 đến nay hai người sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh Thuởng và chị Quảng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh Th và chị Q có hai con chung là cháu Tô Anh T, sinh ngày 21-7- 1999 và cháu Tô Hương L, sinh ngày 09-5-2001. Hiện hai con đã trưởng thành. Khi ly hôn anh Th và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức: Anh Th và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Anh Th và chị Q xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Th và chị Q thỏa thuận, thống nhất anh Th chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tô Văn Th với chị Nguyễn Thị Q.

- *Về con chung*: Anh Th và chị Q có hai con chung là cháu Tô Anh T, sinh ngày 21-7- 1999 và cháu Tô Hương L, sinh ngày 09-6-2001. Hiện hai con đã trưởng thành. Khi ly hôn anh Th và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công sức*: Anh Th và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về công nợ chung*: Anh Th và chị Q xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Th tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số:0011065 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- UBND xã;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Kiều Văn Thành